

Số: /BC-UBND

Phong Thổ, ngày tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Huyện Phong Thổ

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2024

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kiện toàn các Ban chỉ đạo

a) Đánh giá công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp:

Căn cứ văn bản chỉ đạo của Trung ương, của UBND tỉnh và các sở ban ngành có liên quan, UBND huyện Phong Thổ đã kịp thời thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định 970/QĐ-UBND ngày 08/4/2022).

Ban chỉ đạo Chương trình đã chủ động xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách, theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các xã, phường trong việc triển khai, thực hiện Chương trình.

Thành lập tổ giúp việc BCD thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc Gia giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 3071/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 và đã kiện toàn 01 lần tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 11/01/2024;

Đồng thời chỉ đạo UBND các xã, thị trấn lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý thực hiện các Chương trình và phân công cho từng thành viên phụ trách, theo dõi, hướng dẫn đến từng thôn bản để thực hiện tốt Chương trình giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Đến thời điểm hiện tại 17 xã, thị trấn đã thành lập BCD, Ban quản lý thực hiện các Chương trình.

(có biểu chi tiết kèm theo)

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phối hợp của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp:

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021- 2025. Thực hiện Kế hoạch số 2255/KH-UBND ngày 30/6/2022 của

UBND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Huyện Phong Thổ luôn xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt, được cả hệ thống chính trị quan tâm chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện.

Ngay từ đầu giai đoạn đã quyết liệt chỉ đạo các thành viên tham mưu ban hành các văn bản để làm cơ sở thực hiện như: Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về xây dựng kế hoạch trung hạn Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 219a/KH-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2022, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 12/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về đề xuất kế hoạch vốn thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2022 (giai đoạn 2021-2025); Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về Giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phong Thổ năm 2022 (giai đoạn 2021-2025); Kế hoạch số 373/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về Giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phong Thổ năm 2023 (giai đoạn 2021-2025); Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2023 (giai đoạn 2021-2025); Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 24/4/2023 về nâng cao năng lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 24/3/2023 thực hiện truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

c) Mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chương trình:

Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình. Giao cho các cơ quan chuyên môn, các đơn vị liên quan căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, các ngành, chủ động tham mưu cho huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của

Chương trình; các Kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình theo Thông tư 10/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ LĐ-TBXH về Hướng dẫn đánh giá thực hiện Chương trình MTQG GNBV giai đoạn 2021-2025 đảm bảo nội dung, chất lượng và tiến độ chương trình.

2. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện

- Trong quá trình xây dựng và triển khai, thực hiện Chương trình huyện đã được các Sở, ngành của tỉnh tổ chức tập huấn, hướng dẫn kịp thời và chia sẻ các hoạt động của Chương trình, đặc biệt là việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, nên việc thực hiện các Dự án, tiểu dự án các phương pháp thu thập thông tin, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo... nhờ đó đã tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Từng phòng, ban, đơn vị được giao nhiệm vụ đã chủ động phối hợp tổ chức các hoạt động, dự án, tiểu dự án của Chương trình đáp ứng yêu cầu.

Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án được giao, gắn thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị.

Đi đôi với việc triển khai thực hiện các chương trình, các cấp, các ngành huyện đã nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các bên, mối quan hệ công tác ngày càng chặt chẽ đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào các phong trào, các cuộc vận động, thực hiện các chương trình mục tiêu của địa phương. Tích cực phối hợp trong việc thực hiện công tác giảm nghèo bằng các hình thức như tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia tổ hợp tác, tổ chức thành lập và duy trì hoạt động của hợp tác xã; vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp nguồn lực bằng tiền, công lao động, hiện vật, hiến đất để xây dựng đường giao thông nông thôn, thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương...qua đó góp phần tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn và mức hưởng thụ trực tiếp cho người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phối hợp giữa các ngành trong chỉ đạo thực hiện còn thiếu đồng bộ, chặt chẽ; sự gắn kết, chủ động trong thực hiện chương trình phối hợp chưa cao. Kinh phí trong thực hiện các chương trình phối hợp còn khó khăn.

- Đánh giá tình hình công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá Chương trình:

Ủy ban nhân dân huyện giao cho phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, trực tiếp theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

Đồng thời tổ chức đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình và tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định tại thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày

31/5/2022 của Bộ LĐ-TBXH về hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

(Danh mục văn bản theo mẫu Phụ lục I kèm theo)

3. Công tác truyền thông, thông tin về các chương trình mục tiêu quốc gia

Kết quả hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình Công tác truyền thông, thông tin: Đã thực hiện tuyên truyền lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, đưa tuyên truyền về cơ sở được Tổ chức xây dựng 1.027 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về giảm nghèo (định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; nội dung về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, những mô hình hay, cách làm hiệu quả, giới thiệu những gương điển hình thoát nghèo tiêu biểu, nhằm nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của người nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng.

Đặc biệt quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ tăng thu nhập bền vững cho hộ nghèo. Hướng dẫn các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn phát triển sản xuất; chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ dạy nghề gắn với giải quyết việc làm sau khi được đào tạo nghề; Thực hiện tốt việc hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các mô hình đa dạng hoá sinh kế, giảm nghèo bền vững, hỗ trợ phát triển sản xuất; phát triển giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm bền vững, tư vấn cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ về nhà ở và các thông tin truyền thông giảm nghèo đa chiều để nhân dân, người lao động tiếp cận, tiến hành thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước; mặt khác nâng cao được năng lực đánh giá và giám sát chương trình cho các cấp một cách cụ thể và dễ hiểu nhất nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2024, tổ chức 18 lớp với 2.073 lượt học viên (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín)

II. CÔNG TÁC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kế hoạch vốn và giải ngân

a) Kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giao là 383.032 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư 273.187 triệu đồng; vốn sự nghiệp 109.845

triệu đồng

b) Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2024 là 231.041 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư 187.661 triệu đồng; vốn sự nghiệp 43.380 triệu đồng.

c) Giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2024 là 248.045 triệu đồng, đạt 64,76% kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao, trong đó vốn đầu tư 197.770 triệu đồng; vốn sự nghiệp 50.527 triệu đồng; cụ thể từng chương trình như sau:

(Số liệu vốn đầu tư, vốn sự nghiệp theo mẫu Phụ lục V, VI kèm theo)

d) Số vốn dự kiến không thể giải ngân do không còn đối tượng hỗ trợ, không còn nhu cầu giải ngân đến hết năm 2025 (đề nghị điều chỉnh sang dự án, tiêu dự án khác thực hiện) là: 2.393.204.179 triệu đồng vốn sự nghiệp sau:

1.1. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, không thực hiện chuyển nguồn sang năm 2024 là: 1.250.000.000 đồng.

Lý do, không thực hiện được là trùng đối tượng hỗ trợ với đối tượng hỗ trợ từ nguồn kinh phí thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Do đó Phòng thực hiện hỗ trợ lao động từ nguồn DTTS và MN (không sử dụng nguồn giả nghèo bền vững)

Đến thời điểm hiện tại phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã nộp trả ngân sách huyện tại Tờ trình số 449/TTr-PLĐTB&XH ngày 06/8/2024 *(Có Tờ trình kèm theo)*.

1.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững, Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, không thực hiện chuyển nguồn sang năm 2024 là: 844.000.000 đồng. Nguyên nhân không thực hiện được hết là do một số nhiệm vụ chi UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện công tác thu thập thông tin lao động chưa hoàn thiện xong, các xã chưa hoàn thiện thủ tục để đề nghị hỗ trợ cho điều tra viên, người cung cấp thông tin lao động; Phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã nộp trả ngân sách huyện tại Tờ trình số 306/TTr-PLĐTB&XH ngày 19/6/2024 và tổng hợp nhu cầu thực hiện của UBND các xã, thị trấn trình UBND huyện bổ sung kinh phí tại Tờ trình số 458/TTr-PLĐTB&XH ngày 07/8/2024.

1.3. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch, Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện chương trình, không thực hiện hết chuyển nguồn sang năm 2024 là: 181.934.879 đồng.

Nguyên nhân không thực hiện được hết là đã tổ chức các lớp tập huấn theo quy định và thành lập đoàn học tập kinh nghiệm không còn nội dung thực hiện.

3. Vốn đối ứng và huy động nguồn lực thực hiện

a) Vốn đối ứng (ngân sách địa phương)

- Vốn đầu tư: 1.000 triệu đồng
- Vốn sự nghiệp: Không có

(Số liệu đối ứng vốn sự nghiệp theo mẫu Phụ lục V kèm theo)

b) Vốn tín dụng: Ngân hàng chính sách huyện Phong Thổ hỗ trợ cho 5.898 hộ, với số vốn 281.291 triệu đồng. Trong đó hộ sản xuất kinh doanh khu vực khó khăn là 2.429 hộ, 100.136 triệu đồng; vay ưu đãi hộ nghèo hộ 3.469 hộ, 181.155 triệu đồng.

c) Huy động khác:

Tổng huy động: 40.235 triệu đồng, trong đó:

- Bộ công an hỗ trợ 30.000 triệu đồng hỗ trợ làm mới nhà ở cho 600 hộ dân có hoàn cảnh khó khăn.
- Ủy ban MTTQ Việt Nam 6.000 triệu đồng bổ sung vào nguồn Bộ Công an hỗ trợ cho 600 hộ.
- Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: 4.235 triệu đồng, hỗ trợ cho 85 hộ.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

(Các mục tiêu theo mẫu Phụ lục II kèm theo)

1.1. Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2021-2025

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm, riêng các huyện nghèo giảm trên 4%/năm. Đến năm 2025 giảm ½ số hộ nghèo so với đầu kỳ; phấn đấu có 01 huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; 31% số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 97,5%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc huyện nghèo qua đào tạo đạt 51,7%.

- Trên 93% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; ít nhất 60%

hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trên 5%/năm. Đến năm 2025 giảm $\frac{1}{2}$ số hộ nghèo so với đầu kỳ; phấn đấu huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 30%.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ sức khỏe đi học đúng độ tuổi đạt 100%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 53,5%.

- 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; trên 90% hộ nghèo, cận nghèo được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh; 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 96% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

- Nguyên nhân khó đạt được các mục tiêu trên:

+ Nguyên nhân khách quan:

Phong Thổ là huyện nghèo, địa bàn rộng, địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn; điểm xuất phát thấp, nguồn lực nhiều hạn chế.

Do Bộ tiêu chí đánh giá giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi, yêu cầu mức cao hơn so với giai đoạn trước, trong khi đó điều kiện thực tế của huyện còn nhiều khó khăn.

+ Nguyên nhân chủ quan:

Sự vào cuộc của một số cấp ủy, chính quyền cấp xã thiếu tính quyết liệt, công tác phối hợp triển khai nhiệm vụ của một số cơ quan cấp huyện là thành viên Ban chỉ đạo chưa thường xuyên. Năng lực của một số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, nhất là cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới. Trình độ, nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, tiềm lực kinh tế của người dân còn thấp nên khó khăn trong việc vận động nguồn lực từ Nhân dân. Đội ngũ lãnh đạo cơ quan tham mưu lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của huyện hay có sự biến động, chưa kịp kiên toàn.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã được quán triệt, học tập trong hệ thống chính trị từ huyện đến xã nhưng trong quá trình thực hiện chưa được đồng bộ, một bộ phận người dân nhận thức chưa đầy đủ trách nhiệm và quyền lợi của mình trong xây dựng nông thôn mới.

Cơ sở hạ tầng nông thôn chưa thực sự phát triển, một số nơi đã hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung tuy nhiên chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư vào khu vực nông thôn, chưa có nhiều nhà máy chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm; liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở một xã còn hạn chế; một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương, sản phẩm OCOP chưa được tiêu thụ mạnh, chưa trở thành kinh tế mũi nhọn của địa phương; mặt khác, do vị trí các xã, bản cách xa trung tâm thành phố và các đô thị lớn của cả nước nên chi phí vận chuyển tăng cao, khó khăn trong việc cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm.

Mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%; Giải quyết việc làm cho 1.000 lao động/năm; Đào tạo, bồi dưỡng nghề cho 1.000 lao động/năm; Đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo tập huấn bồi dưỡng đạt 60%:

- Mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%: Từ năm 2020 đến 2023 tỷ lệ giảm nghèo đạt bình quân 5,9 đạt 196,7% cụ thể (năm 2020 tỷ lệ giảm nghèo 3,2%; năm 2021 tỷ lệ giảm nghèo 3,9%; năm 2022 tỷ lệ giảm nghèo 4,62%; năm 2023 tỷ lệ giảm nghèo 5,88%; Ước thực hiện năm 2024 đạt 100%; Ước thực hiện năm 2025 đạt 100%). Tỷ lệ giảm nghèo hàng năm đều đạt và vượt so với KH giao

- Giải quyết việc làm cho hơn 1.000 lao động/năm: Từ năm 2020 đến 2023 đã giải quyết việc làm cho 5.896 lao động; (ước thực năm 2024 sẽ giải quyết 1.230 lao động đạt 100% kế hoạch giao); Cụ thể (Năm 2020 giải quyết việc làm cho 1.156 lao động đạt 115,6% Kế hoạch năm; Năm 2021 giải quyết việc làm cho 1.322 lao động đạt 1132,2% Kế hoạch năm; Năm 2022 giải quyết việc làm cho 1.286 lao động đạt 128,6% Kế hoạch năm; Năm 2023 giải quyết việc làm cho 2.032 lao động đạt 189,91% Kế hoạch năm; Năm 2024 ước thực hiện 11.230 lao động đạt 100% Kế hoạch năm). Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm đạt và vượt so với KH giao.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghề bình quân cho hơn 1.000 lao động/năm: Từ năm 2020 đến 2023 đào tạo, bồi dưỡng nghề cho 4.546 lao động nông thôn cụ thể (năm 2020 đào tạo nghề cho 880/1.000 lao động; năm 2021 đào tạo nghề cho 1.198/1.170 lao động; năm 2022 đào tạo nghề cho 1.208/1.200 lao động; năm 2023 đào tạo nghề cho 1.260/1.200 lao động; Năm 2024 hiện đang triển khai thực hiện; Dự kiến đến 31/12/2024 sẽ khó thực hiện 1.230 chỉ tiêu;

Nguyên nhân khó thực hiện chỉ tiêu 1.230 năm 2024: Năm 2024 tình giao cho huyện Phong Thổ 1.230 chỉ tiêu, tuy nhiên:

+ Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy

định: (tại biểu 01, mục II lĩnh vực sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp “Dịch vụ đào tạo sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng, phương thức thực hiện Giao nhiệm vụ/ đặt hàng”). Tại khoản 1, khoản 2 Điều 9; Khoản 1, khoản 2 điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định để thực hiện được việc giao nhiệm vụ /đặt hàng chỉ thực hiện đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên. Như vậy phòng Lao động TBXH huyện được giao chỉ tiêu đặt hàng với đơn vị đào tạo nghề là không đảm bảo theo quy định. Dịch vụ sự nghiệp công “ Đào tạo nghề sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng” không có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành làm cơ sở để đặt hàng. Đồng thời căn cứ Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý địa phương thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đầu thầu. Tại Phụ lục IX Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 3 tháng chỉ áp dụng phương thức thực hiện Giao nhiệm vụ và Đặt hàng. Do vậy huyện đã ban hành Quyết định giao chỉ tiêu từ phòng LĐTB-XH sang giao cho TTGDNN-GDTX thực hiện.

- Kế hoạch năm 2024 tỷ lệ lao động qua đào tạo tập huấn bồi dưỡng đạt 53,5%: Trong đó; Cụ thể: Năm 2020 đạt 44,65% đạt 127,61% kế hoạch giao; Năm 2021 đạt 46,8%, đạt 100% kế hoạch giao; Năm 2022 đạt 48,8%; đạt 101,7% kế hoạch giao; Năm 2023 đạt 51,3% đạt 100,6% kế hoạch giao; Năm 2024 kế hoạch giao 53.5%, ước thực hiện đạt 100% Kế hoạch giao.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình

a) Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo, bao gồm:

- Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể:

(i) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trung bình trên 5%/năm đạt 100% kế hoạch đề ra; Trong đó: Năm 2022 đạt 4,62%; Năm 2023 đạt 5,88%; Năm 2024 ước đạt 5,43%; Năm 2025 dự kiến 5,48% ước đạt 100% Kế hoạch.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình:

(i) Số hộ nghèo, hộ cận nghèo (so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia): 3.480/11.282 hộ. (Nghị quyết đến năm 2025 giảm ½ số hộ nghèo so với đầu kỳ, chỉ tiêu này khó đạt do số hộ thoát nghèo chưa thực sự bền vững, thoát nghèo lại rơi vào hộ cận nghèo ước thực hiện đến năm 2024 mới đạt được 30,84%).

(ii) Hỗ trợ xây dựng trên 9 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên

địa bàn xã đặc biệt khó khăn đạt 100% kế hoạch đề ra (trong hai năm đã thực hiện được 5 mô hình giảm nghèo tại Dự án 2 và Dự án 3 gồm 04 dự án do huyện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng theo chuỗi giá trị).

- Thực hiện hỗ trợ mô hình đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ máy nông nghiệp trên địa bàn 17 xã, thị trấn.

(iv) Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo: Đến thời điểm báo cáo có: 2.073 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo; 100% cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo đạt 100% kế hoạch đề ra.

+ Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu 1.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 95% trở lên.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Hỗ trợ 1.482 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện có nhu cầu được hỗ trợ sửa chữa, xây mới nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Duy trì trên 98% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: Trên 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu

cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 90% các gia đình sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

(Các mục tiêu, nhiệm vụ theo biểu 2 kèm theo)

b) Kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng Dự án, Tiểu dự án thành phần của Chương trình.

Vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2024: 296.578 triệu đồng (trong đó, vốn đầu tư 273.187 triệu đồng, vốn sự nghiệp 23.391 triệu đồng).

Cụ thể:

Năm 2022:

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Kế hoạch vốn giao 73.655 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư 71.570 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp là 2.085 triệu đồng*).

+ Vốn đầu tư: 71.570 triệu đồng, thực hiện đầu tư 20 dự án (*trong đó: có 07 công trình nước sinh hoạt và thủy lợi; 06 công trình đường giao thông; 03 công trình phục vụ văn hóa; 04 công trình trường học*). Giải ngân 66.313/71.570 triệu đồng đạt 92,65% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn sự nghiệp: 2.085 triệu đồng thực hiện duy tu 02 dự án, giải ngân 2.085/2.085 triệu đồng đạt 100%% kế hoạch vốn giao (*Cụ thể: Sửa chữa trường THCS xã Mường So 1.000 triệu đồng, Đường GTNT trung tâm xã-bản Chang Hồng 1,2 xã Huổi Luông 1.085 triệu đồng*).

Năm 2023: Vốn giao: 133.077 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư 121.457 triệu đồng (gồm 5.257 triệu đồng chuyển nguồn năm 2022 sang 2023); vốn sự nghiệp 11.620 triệu đồng*), cụ thể:

+ Vốn đầu tư: Tiểu dự án 1,2 là 121.457 triệu đồng (*gồm 5,257 triệu đồng chuyển nguồn năm 2022 sang 2023; giao năm 2023 116.200 triệu đồng*) thực hiện đầu tư 20 dự án chuyển tiếp, 03 dự án khởi công mới (*trong đó: có 08 công trình nước sinh hoạt và thủy lợi; 06 công trình đường giao thông; 03 công trình phục vụ văn hóa; 06 công trình trường học*). Giá trị khối lượng thực hiện, giải ngân 121.348/121.457 triệu đồng, đạt 99,91% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn sự nghiệp: 11.620 triệu đồng.

Tiểu dự án 1: Thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình tại 5 xã Sì Lở Lầu, Tung Qua Lìn, Huổi Luông, Ma Li Pho, Lản Nhì Thàng, kinh phí 4.550 triệu đồng, giải ngân 3.518/4.550 triệu đồng, đạt 77,32%.

Tiểu dự án 2: Duy tu bảo dưỡng 02 dự án giao thông liên xã 7.070 triệu đồng, giải ngân là 7.070/7.070 triệu đồng, đạt 100%.

Năm 2024: Vốn giao 96.135 triệu đồng (*vốn đầu tư 85.417 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp là 10.718 triệu đồng (gồm 1.032 triệu chuyển năm 2023 sang 2024)*), cụ thể:

- Vốn đầu tư: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn kế hoạch vốn giao năm 2024: 85.417 triệu đồng (*thực hiện 17 dự án chuyển tiếp*). Ước giải ngân đến 31/12/2024 là 100% kế hoạch.

- Vốn sự nghiệp: Duy tu bảo dưỡng là 10.718 triệu đồng (*thực hiện Duy tu, bảo dưỡng 19 công trình bị hư hỏng, xuống cấp sau đầu tư trên địa bàn huyện (trong đó 04 công trình nhà văn hóa; 17 đường GTNT)*). Ước giải ngân đến 31/12/2024 là 100% kế hoạch.

Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tổng kinh phí giao: 29.535 triệu đồng. Ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch giao. Cụ thể:

Năm 2022: Vốn giao 6.629 triệu đồng (*trong đó, giao bổ sung thực hiện dự án năm 2021 là 2.455 triệu đồng tại QĐ 413, ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Lai Châu; giao năm 2022 4.174 triệu đồng*). Kết quả thực hiện hết 31/12/2022 giải ngân 1.957/6.629 triệu đồng thực hiện mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp, đạt 29,52%. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2023 4.672 triệu đồng.

Năm 2023: Vốn giao thực hiện: 15.187 triệu đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang 2023 4.672 triệu đồng; giao 2024 10.515 triệu đồng*) thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo, cụ thể:

- Trung tâm DVNN: 6.687 triệu đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang 2023 4.672 triệu đồng; giao 2024 2.015 triệu đồng*) thực hiện 05 chuỗi liên kết tại các xã trên địa bàn, kết quả thực hiện giải ngân 5.808/6.687 triệu đồng, đạt 86,85%, triển khai thực hiện 05 dự án chuỗi, tại các xã. Kết dư chuyển nguồn sang 2024 879 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân xã thực hiện hỗ trợ mô hình đa dạng hóa sinh kế 8.500 triệu đồng, thực hiện hỗ trợ máy nông nghiệp trên địa bàn 17 xã, thị trấn. Kết quả giải ngân 8.500/8.500 triệu đồng, đạt 100%.

Năm 2024: Vốn, kế hoạch vốn giao: 13.270 triệu đồng (*vốn năm 2023 chuyển sang 2024 879 triệu đồng; giao năm 2024 12.391 triệu đồng*), cụ thể:

- Giao Trung tâm DVNN: 4.579 triệu đồng (*vốn năm 2023 chuyển sang 2024 879 triệu đồng, giao 2024 3.700 triệu đồng*). Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện duy trì các dự án chuỗi liên kết triển khai từ năm 2023. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

- Giao Ủy ban nhân dân xã, thị trấn: 8.691 triệu đồng. Thực hiện mô hình đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo lĩnh vực nông nghiệp. Thời

điểm báo cáo đang triển khai thực hiện. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Tổng kinh phí giao thực hiện: 14.322 triệu đồng. Ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100%. Cụ thể:

Năm 2022:

Tiêu dự án 1: Hỗ trợ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Kế hoạch vốn giao: 1.822 triệu đồng chưa thực hiện, chuyển nguồn sang năm 2023.

Năm 2023: Kinh phí thực hiện: 7.629 triệu đồng (*vốn chuyển năm 2022 sang 2023 1.822 triệu đồng; giao năm 2023 5.807 triệu đồng*), cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Vốn, kế hoạch vốn: 6.501 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 1.822 triệu đồng; giao năm 2023 4.679 triệu đồng*). Lồng ghép với dự án 2 thực hiện 05 chuỗi liên kết tại các xã trên địa bàn. Kết quả thực hiện giải ngân 5.995/6.501 triệu đồng, đạt 92,22%. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2024 506 triệu đồng.

- Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Vốn, kế hoạch vốn: 1.128 triệu đồng. Thực hiện chương trình cải thiện dinh dưỡng, mua một số trang thiết bị phục vụ công tác, giải ngân 339/1.128 triệu đồng (*thực hiện đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ từ 0 - dưới 16 tuổi và tập huấn cho nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng*), đạt 30.05% kế hoạch vốn giao. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2024 789 triệu đồng.

Năm 2024: Kinh phí thực hiện: 7.988 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sà 2024 1.295 triệu đồng; giao năm 2024 6.693 triệu đồng*) ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% vốn giao. Cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Tổng kinh phí: 5.674 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sà 2024 506 triệu đồng; giao năm 2024 5.168 triệu đồng*)

+ Ủy ban nhân dân xã, thị trấn 5.168 triệu đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp. Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

+ Trung tâm DVNN 506 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2023 sang 2024 506 triệu đồng*). Thời điểm báo cáo trung tâm DVNN thực hiện duy trì năm thứ 2 dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

- Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

Vốn, kế hoạch vốn giao: 2.314 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2023*

sang 2024 789 triệu đồng; giao năm 2024 1.525 triệu đồng). Thực hiện cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện. Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Tổng vốn giao: 8.819 triệu đồng, ước thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao.

Năm 2022: Kế hoạch vốn giao: 1.603 triệu đồng, cụ thể:

- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn 1.070 triệu đồng: Thực hiện sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện, chưa giải ngân. Chuyển nguồn sang năm 2023.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 293 triệu đồng. Chuyển nguồn sang năm 2023.

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững 240 triệu đồng, Chuyển nguồn sang năm 2023.

Năm 2023: Tổng nguồn vốn được sử dụng: 5.026 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 1.603 triệu đồng; giao năm 2023 3.423 triệu đồng*), ước giải ngân 21/12/2023 đạt 100%, cụ thể:

- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 2.902 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 1.070 triệu đồng; giao 2023 1.832 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023: 1.070 triệu đồng, thực hiện sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-GDTX huyện. Giải ngân 1.055/1.070 triệu đồng, đạt 98,6%. Chuyển nguồn sang năm 2024 15 triệu đồng.

+ Vốn giao năm 2023: 1.832 triệu đồng, thực hiện đào tạo nghề. Đến 31/12/2023 không thực hiện. Chuyển nguồn sang năm 2024.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 1.250 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 293 triệu đồng; giao năm 2023 957 triệu đồng*). Đến 31/12/2023 không thực hiện. Chuyển nguồn sang năm 2024.

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: 874 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 240 triệu đồng; giao 2023 634 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023: 240 triệu đồng, thực hiện in, phô tô phiếu thu thập thông tin lao động, giải ngân 30/240 triệu đồng, đạt 12,5% kế hoạch vốn giao. Chuyển nguồn sang năm 2024 210 triệu đồng.

+ Vốn giao năm 2023: 634 triệu đồng. Đến 31/12/2023 không thực hiện. Chuyển nguồn sang năm 2024.

Năm 2024: Tổng kinh phí thực hiện: 7.734 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 3.941 triệu đồng; giao 2024 3.793 triệu đồng*), ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao. Cụ thể:

- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn là 3.913 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 1.847 triệu đồng; giao 2024 2.065 triệu đồng*). Hiện nay đang thực hiện chiêu sinh công tác đào tạo nghề (sử dụng nguồn chuyển nguồn năm 2023 sang 2024). **Số giao năm 2024 2.065 triệu đồng, hiện nay đang rà soát điều chỉnh nhiệm vụ theo Nghị quyết số 111.**

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là **2.205 triệu đồng** (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 1.250 triệu đồng; giao 2024 955 triệu đồng*). **Đang đang rà soát điều chỉnh nhiệm vụ theo Nghị quyết số 111.**

- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững là 1.617 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 844 triệu đồng; giao 2024 773 triệu đồng*). Đang triển khai công tác thu thập thông tin lao động, ước thực hiện 31/12/2024 giải ngân 100% kế hoạch.

Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Tổng kinh phí được bố trí thực hiện 29.560 triệu đồng.

Năm 2023: Nguồn vốn giao: 12.060 triệu đồng, hỗ trợ nhà ở cho 299 hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện (*trong đó, hỗ trợ làm mới 285 hộ, sửa chữa 14 hộ*), giải ngân 11.680/12.060 triệu đồng đạt 96,85% kế hoạch vốn. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2024 380 triệu đồng.

Năm 2024: Nguồn vốn giao: 17.880 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 380 triệu đồng; giao 2024 17.500 triệu đồng*). Hỗ trợ nhà ở cho 454 hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện (*trong đó, hỗ trợ làm mới 440 hộ, sửa chữa 14 hộ*). Ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% vốn giao.

Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

Tổng kinh phí giao thực hiện 760 triệu đồng, cụ thể:

Năm 2022: Kế hoạch vốn giao 72 triệu đồng, thực hiện viết tin bài, phóng sự tuyên truyền chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Kết quả giải ngân 72/72 triệu đồng, đạt 100%.

Năm 2023: Kế hoạch vốn giao 325 triệu đồng, thực hiện viết tin bài,

phóng sự tuyên truyền chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Kết quả 31/12/2023 thực hiện giải ngân được 267/325 triệu đồng, đạt 82,15% kế hoạch giao. Chuyển nguồn sang năm 2024 58 triệu đồng.

Năm 2024: Tổng vốn 421 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 58 triệu đồng; giao 2024 363 triệu đồng*). Ước thực hiện đến 31/12/2024 đạt 100% vốn giao. Thực hiện viết tin bài, phóng sự tuyên truyền chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí thực hiện dự án 3.458 triệu đồng, cụ thể:

Năm 2022: Kế hoạch vốn giao 749 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 1:* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình với kinh phí 543 triệu đồng. Triển khai 06 lớp, với 684 người tham gia.

Nội dung: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo xã trên địa bàn huyện, giải ngân 537/543 triệu đồng, đạt 98,89% kế hoạch. Chuyển nguồn sang 2023 6 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 2:* Giám sát, đánh giá với kinh phí 206 triệu đồng, thực hiện kiểm tra, đánh giá chương trình, giải ngân 13/206 triệu đồng, đạt 6,31% kế hoạch. Chuyển nguồn sang năm 2023 193 triệu đồng.

Năm 2023: Tổng nguồn vốn được sử dụng năm 2023: 1.377 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 199 triệu đồng; giao 2023 1.178 triệu đồng*). Hết 31/12/2023 giải ngân 1.046/1.377 triệu đồng, đạt 75,96% kế hoạch vốn, cụ thể:

- *Tiểu dự án 1:* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Kinh phí giao 858 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 6 triệu đồng; giao 2023 852 triệu đồng*), giải ngân 696/858 triệu đồng, đạt 81,82% kế hoạch. Chuyển nguồn sang năm 2024 162 triệu đồng.

+ Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, giải ngân 593 triệu đồng.

+ Thực hiện học tập, trao đổi kinh nghiệm trong tỉnh; ngoài tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, giải ngân 103 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 2:* Giám sát, đánh giá: 519 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 193 triệu đồng; giao 2023 326 triệu đồng*), giải ngân 402/519 triệu đồng, đạt 77,46% kế hoạch. Chuyển nguồn sang năm 2024 117 triệu đồng.

Năm 2024: Tổng kinh phí giao 1.810 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 279 triệu đồng; giao 2024 1.531 triệu đồng*), cụ thể:

- *Tiểu dự án 1:* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình là 1.233 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 là 162 triệu đồng; giao 2024 1.071 triệu đồng*).

Xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững. Học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình có hiệu quả. Ước thực hiện 31/12/2024 giải ngân 100%.

- Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá là 577 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 117 triệu đồng; giao 2024 460 triệu đồng*).

Xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật; Chi rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, đánh giá giữa kỳ ở các cấp. Ước thực hiện 31/12/2024 giải ngân 100%.

(Theo mẫu Phụ lục IV kèm theo)

c) Kết quả thực hiện từng chính sách giảm nghèo.

- Đối với chính sách hỗ trợ giáo dục đào tạo: Hỗ trợ tiền học phí cho 173 lượt đối tượng là học sinh học tại các trường trung cấp nghề với kinh phí 1.493,825 triệu đồng.

- Chính sách y tế: Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho 88.354 lượt người tham gia thuộc các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

- Chính sách tiền điện: Hỗ trợ cho 26.489 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với kinh phí hỗ trợ khoảng 14.731,449 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

- Chính sách tín dụng ưu đãi: Ngân hàng chính sách huyện Phong Thổ hỗ trợ cho 5.898 hộ, với số vốn 281.291 triệu đồng. Trong đó hộ sản xuất kinh doanh khu vực khó khăn là 2.429 hộ, 100.136 triệu đồng; vay ưu đãi hộ nghèo hộ 3.469 hộ, 181.155 triệu đồng.

IV. TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/QH15 NGÀY 18/01/2024 CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Ngay sau khi có Quyết định phân bổ vốn của UBND tỉnh, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đã thực hiện tham mưu cho UBND huyện kịp thời, đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn năm 2024;

Việc thực hiện phân bổ nguồn vốn đảm bảo theo đúng nội dung hướng dẫn của Nghị quyết 111/2024/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực

hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và vốn đối ứng NSĐP thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được.

- Những đóng góp của chương trình mục tiêu quốc gia vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

Việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong những năm qua, có ý nghĩa quan trọng trong việc đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của từng năm và trong cả giai đoạn 2021- 2025; Cụ thể Chương trình bám sát và đạt được nhiều chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

- Kết quả nổi bật trong thực hiện chương trình:

Việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong những năm qua có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng tích cực đến đời sống của người dân; và công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Từng bước mang lại sự chuyển biến đáng kể đối với hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, góp phần rút ngắn khoảng cách về đảm bảo thông tin, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân, đặc biệt là các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện các mục tiêu trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Chương trình được triển khai đồng bộ đã tạo cơ hội và điều kiện để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao dân trí, tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động. Góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu được tăng cường đã tạo đà cho phát triển kinh tế xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân.

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

2.1. Khó khăn, vướng mắc:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia nhưng thực chất bắt đầu thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025 do năm 2021 vẫn tiếp tục duy trì chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 dẫn đến tỷ giảm hộ nghèo còn thấp dự kiến đến hết giai đoạn không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (Phần đầu giảm 1/2 số hộ nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều).

- Tiến độ thực hiện các dự án còn chậm do văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên còn chậm, chông chéo; một số văn bản đã ban hành còn khó khăn,

vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung; một số dự án đã đề ra theo kế hoạch nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Mặt khác, đối tượng thực hiện của các chương trình chủ yếu là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ neo đơn dẫn đến việc đối ứng kinh phí gặp những khó khăn nhất định.

- Các văn bản quy định, hướng dẫn của chương trình từ Trung ương đến tỉnh ưu tiên thực hiện 2 hình thức Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nên trên địa bàn huyện có rất ít hoặc không có các đơn vị đủ năng lực đáp ứng yêu cầu tham gia các dự án liên kết nên không triển khai thực hiện được.

- Các chính sách hỗ trợ của các chương trình MTQG còn trùng đối tượng, trùng nội dung hỗ trợ dẫn đến khó khăn trong thực hiện giải ngân.

- Đội ngũ thực hiện công tác giảm nghèo chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủ yếu kiêm nhiệm, một công chức còn làm nhiều công việc dẫn đến công tác nghiên cứu văn bản chưa được kịp thời.

- Một số cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn chưa thực hiện việc báo cáo định kỳ tiến độ, kết quả thực hiện chương trình về cơ quan thường trực theo quy định. Nên khi có khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình chưa được cấp trên kịp thời đưa ra phương án xử lý, tháo gỡ

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số xã còn chưa thực sự quan tâm đến công tác triển khai thực hiện dự án, dẫn đến khó khăn trong công tác tổng hợp, rà soát đối chiếu. Sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã trong tuyên truyền, vận động thực hiện triển khai thực hiện dự án 5 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện chưa được tích cực, thường xuyên.

- Một số xã chưa phân biệt được nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ lên khó khăn trong việc thực hiện công tác đánh giá công tác thực hiện chương trình giảm nghèo.

- Một số ít người dân vẫn còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa tự lực vươn lên để thoát nghèo; công tác xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững.

Sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình theo dõi, đánh giá các chương trình còn hạn chế; Đặc biệt cấp xã chưa tổ chức thực hiện được theo kế hoạch đề ra của Chương trình.

VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là sự nghiệp lâu dài, do đó cần phải kiên trì để thực hiện mục tiêu đề ra; trong quá trình thực hiện tránh chủ quan nóng vội, bệnh thành tích.

Cấp uỷ, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình; phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội mới có thể thành công.

Vai trò của người dân, đặc biệt là bản thân người nghèo là nhân tố quyết định đến sự bền vững của chương trình giảm nghèo. Vì vậy, cần phải khơi dậy ý chí tự lực vươn lên của chính bản thân người nghèo, kết hợp với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiêu dự án, hoạt động của Chương trình. Các chính sách giảm nghèo phải thường xuyên được tổ chức rà soát, đánh giá, mang tính hệ thống để người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thuận tiện, hiệu quả hơn.

Phải xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể làm cơ sở để tổ chức thực hiện; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình, đặc biệt là ở cơ sở để xác định đúng đối tượng thụ hưởng. Thông qua đó để hạn chế các tiêu cực, lợi dụng chính sách, đồng thời phát hiện những hạn chế, bất hợp lý để kiến nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Thường xuyên tổ chức các hình thức truyền thông về giảm nghèo đa dạng, phù hợp để chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đến được với người nghèo. Phát hiện, phổ biến các mô hình, điển hình giảm nghèo có hiệu quả để nhân rộng, phê phán các hiện tượng tiêu cực, không muốn thoát nghèo. Tuyên truyền nâng cao nhận thức giảm nghèo, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRONG TÂM GIAI ĐOẠN 2024-2025

1. Mục tiêu, nhiệm vụ và mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2025.

- Phần đầu giảm 1/2 số hộ nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều.
- 100% các xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.
- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên

địa bàn xã đặc biệt khó khăn.

- Phần đầu 70% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm cần hoàn thành trong giai đoạn 2024-2025.

- Mục tiêu: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trên 5%/năm đạt 100% kế hoạch đề ra; Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 4%/năm đạt 100% kế hoạch đề ra.

3. Giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện chương trình.

- Về công tác tuyên truyền, vận động: Đổi mới phương pháp, hình thức tuyên truyền, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo; kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tập trung chỉ đạo, triển khai có hiệu quả các chính sách đã ban hành như: Hỗ trợ thu nhập đối với thành viên hộ nghèo không có khả năng lao động; chính sách hỗ trợ học phí, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế; chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn; chính sách tín dụng xã hội, hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ về nhà ở, nước sạch; chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn khó khăn; chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển và miền núi.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ người nghèo và thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 đã được Quốc hội và Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là đối với cơ sở. Đổi mới phương thức triển khai thực hiện nhằm tạo điều kiện cho người dân tiếp

cận, hưởng thụ đầy đủ các chính sách giảm nghèo của trung ương, của tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo. Bố trí cán bộ có năng lực để hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện chương trình giảm nghèo, nhất là việc phối hợp đồng bộ của Cơ quan Thường trực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhằm huy động, lồng ghép và sử dụng nguồn lực đầu tư của các Chương trình.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý Chương trình; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ở các đơn vị, địa phương, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp khắc phục và kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Trên đây là báo cáo Sơ kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 của UBND huyện Phong Thổ trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Thị Hồng Sim